

CHƯƠNG TRÌNH LUYỆN THI IOE

KHÓA HỌC LUYỆN THI IOE LỚP 4

GIÁO VIÊN: NGUYỄN NHƯ QUỲNH

Lý thuyết Thì hiện tại tiếp diễn

www.vinastudy.vn

THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

THE PRESENT CONTINUOUS TENSE

I. Cấu trúc (Forms)

✚ **Khẳng định:** S + be + V-ing + O

Trong đó: S (subject): Chủ ngữ
am/ is/ are: là 3 dạng của động từ “to be”
V-ing: là động từ thêm “-ing”
O (Object): Tân ngữ

Chú ý: I – am;
He, She, It, Danh từ số ít – is
You, We, They, DT số nhiều – are

Ví dụ: Look! That man is taking a photo of you. (Nhìn kia! Người đàn ông đó đang chụp hình bạn)

That man – là một danh từ số ít, có thể được thay thế bởi đại từ nhân xưng **He**, nên phải chia với động từ to be là **is**.

✚ **Phủ định:** S + be not + V-ing + O
be not bao gồm: am not/ is not (isn't) / are not (aren't)

Ví dụ: The children aren't playing in the yard at the moment. (Vào lúc này bọn trẻ không chơi trong sân)

✚ **Nghi vấn:** Am/ Is/ Are + S + V-ing + O?

Trả lời: Yes, I + am. – Yes, he/ she/ it + is. – Yes, we/ you/ they + are.

No, I + am not. – No, he/ she/ it + isn't. – No, we/ you/ they + aren't.

Ví dụ: Are you having breakfast now? (Có phải bây giờ bạn đang ăn sáng không?)

✚ **Wh – Questions: Câu hỏi với từ để hỏi bắt đầu bằng Wh- (What, Where, When, Why...)**

Wh – words + am/ is/ are + S + V-ing + O?

Ví dụ: What are you looking for? (Bạn đang tìm gì vậy)

Đối với với dạng câu hỏi với từ để hỏi Wh – ta chỉ việc thêm từ để hỏi vào trước dạng câu nghi vấn.

II. Cách dùng (Usage)

Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả:

✚ Hành động sự việc đang diễn ra ngay lúc nói.

Ví dụ: What are you doing? (Bạn đang làm gì đây?)

I am studying English. (Tôi đang học tiếng Anh.)

✚ Hành động đang diễn ra ở hiện tại nhưng không nhất thiết tại thời điểm nói.

Ví dụ: Susan is writing another book this year. (Năm nay Susan đang viết thêm một cuốn sách nữa) * **sự việc Susan viết sách đang xảy ra ở hiện tại nhưng tại lúc nói không nhất thiết là cô ấy đang ngồi viết sách**

✚ Hành động xảy ra trong tương lai gần, nhưng đã được sắp xếp, lên lịch cố định.

Ví dụ: I am flying to New York tomorrow. (Tôi sẽ bay đến New York vào ngày mai)

Sự việc đi đâu đó bằng máy bay (có nghĩa ta đã đặt vé trước, đã lên kế hoạch trước cho chuyến đi và chắc chắn sẽ bay đến New York) nên ta sử dụng thì hiện tại tiếp diễn để nói về một việc chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai.

✚ Hành động xảy ra, lặp đi lặp lại gây sự bực mình khó chịu cho người nói (thường có trạng từ always trong câu)

Ví dụ: He is always losing his keys (Anh ấy luôn luôn làm mất chìa khóa)

Mặc dù trong câu xuất hiện trạng từ chỉ tần suất always – chỉ mức độ thường xuyên xảy ra của hành động (Thường chia ở thì hiện tại đơn). Nhưng hành động anh ấy làm mất chìa khóa luôn luôn tái diễn làm người khác rất khó chịu, bực mình nên chúng ta sẽ dùng thì hiện tại tiếp diễn để nói.

Lưu ý: Không dùng thì hiện tại tiếp diễn với các động từ chỉ nhận thức, tri giác như: to be, see, hear, taste, smell, feel, want, know, love, hate, seem, ... Với các động từ này ta sẽ chia ở thì hiện tại đơn.

Ví dụ: I **am** tired now. (Bây giờ tôi đang mệt) động từ to be am – chia ở hiện tại đơn

She **wants** to go for a walk at the moment. (Lúc này cô ấy đang muốn đi dạo)

III. Dấu hiệu nhận biết (Adverbs)

- now (bây giờ), right now (ngay bây giờ)

- at present (vào lúc này), at the moment

- Các dấu hiệu thể hiện ý mệnh lệnh như: Look!.. (Nhìn kia) ; Keep silent!... (Hãy im lặng) ; Listen!... (Nhìn kia)

Ví dụ: Look! The bus is coming. (Nhìn kia! Xe buýt đang đến).

IV. Cách thêm đuôi –ing vào sau động từ

✚ Quy tắc chung: chỉ thêm đuôi **ing** vào sau động từ

Ví dụ: do → doing; speak → speaking

✚ Các động từ tận cùng là “e” (âm), bỏ e rồi mới thêm **ing**

Ví dụ: write → writing; come → coming; have → having; change → changing

Lưu ý: các động từ tận cùng là **ee**, ta vẫn giữ nguyên sau đó thêm **ing** (Ví dụ: see → seeing, agree → agreeing)

✚ Các động từ có một âm tiết tận cùng là một phụ âm (trừ h, w, x, y), trước đó là một nguyên âm, ta gấp đôi phụ âm sau đó thêm **ing**.

Ví dụ: get → getting; run → running; sit → sitting; stop → stopping

Nhưng: play → playing, fix → fixing; greet → greeting (đi trước là hai nguyên âm)

✚ Các động từ có hai âm tiết, tận cùng là phụ âm, trước đó là nguyên âm và trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, ta gấp đôi phụ âm rồi thêm **ing**

Ví dụ: permit → permitting; prefer → preferring; begin → beginning

✚ Các động từ tận cùng là **ie**, ta đổi **ie** thành **y** và thêm **ing**

Ví dụ: lie → lying (đang nằm), tie → tying